

Số: 18/TB-UBND

Đoàn Đào, ngày 08 tháng 4 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Công khai thuyết minh tình hình thực hiện

### Dự toán ngân sách xã quý 1 năm 2024

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Phù Cừ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2024;

Căn cứ vào Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Đoàn Đào về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ vào Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Đoàn Đào về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công năm 2024;

UBND xã Đoàn Đào thông báo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 1 năm 2024 cụ thể như sau:

#### **1. Thu ngân sách**

- Dự toán HĐND xã giao: 10.212 triệu đồng.
- Thực hiện đến ngày 31/03/2024: 15.458,993 triệu đồng , đạt 151,38% dự toán.

*(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)*

Chi tiết một số khoản thu như sau:

- Thu phí, lệ phí : Dự toán huyện, HĐND xã giao 56 triệu đồng, thực hiện đến 31/03/2024: 9,068 triệu đồng, đạt 16,19% dự toán;
- Thu từ quỹ đất công ích và đất công: Dự toán huyện, HĐND xã giao: 90 triệu đồng, thực hiện đến ngày 31/03/2024: 11.550,672 triệu đồng đạt 12834,08% dự toán giao.
- Thu phí môn bài: Dự toán huyện và HĐND xã không giao, thực hiện đến 31/03/2024: 16,7 triệu đồng.



- Thuế GTGT-TNDN : Dự toán huyện, HĐND xã giao 120 triệu đồng, thực hiện đến ngày 31/03/2024: 63,9 triệu đồng đạt 53,26% dự toán.

- Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán huyện và HĐND xã giao 145 triệu đồng, thực hiện đến ngày 31/03/2024: 111,9 triệu đồng đạt 77,21% dự toán.

- Lệ phí trước bạ nhà đất: Dự toán huyện và HĐND xã giao 175 triệu đồng, thực hiện đến ngày 31/03/2024: 20,7 triệu đồng đạt 11,8% dự toán.

- Thu bổ sung cân đối từ cấp trên: Dự toán huyện HĐND xã giao: 6.692 triệu đồng, thực hiện đến ngày 31/03/2024 : 965,3 triệu đồng đạt 14,43 % dự toán.

*(Chi tiết có phụ lục 02 đính kèm)*

## **2. Chi ngân sách địa phương**

- Dự toán HĐND xã giao: 10.212 triệu đồng

- Thực hiện đến ngày 31/03/2024: 918 triệu đồng, đạt 8,99% dự toán

### **a. Chi đầu tư xây dựng cơ bản**

- Dự toán HĐND xã giao: 2.535 triệu đồng

- Thực hiện đến 31/03/2024: chưa thực hiện.

### **b. Chi thường xuyên**

- Dự toán HĐND xã giao: 7.677 triệu đồng

- Thực hiện đến ngày 31/03/2024: 918 triệu đồng, đạt 11,96% dự toán, cụ thể một số khoản chi như sau:

Chi dân quân tự vệ: Dự toán HĐND xã giao: 167,136 triệu đồng, thực hiện đến 31/03/2024: 28,686 triệu đồng đạt 17,16% dự toán giao.

Chi an ninh trật tự: Dự toán HĐND xã giao: 282,896 triệu đồng, thực hiện đến 31/03/2024: 11,070 triệu đồng đạt 3,91% dự toán giao.

Sự nghiệp y tế: Dự toán HĐND xã giao: 27 triệu đồng, thực hiện đến 31/03/2024: 2,250 triệu đồng đạt 8,33% dự toán giao.

Chi quản lý nhà nước đảng, đoàn thể: Dự toán HĐND xã giao: 5.337,664 triệu đồng; thực hiện đến ngày 31/03/2024 là: 820,756 triệu đồng đạt 15,38% dự toán giao.

Chi cho công tác xã hội: Dự toán HĐND xã giao: 211,104 triệu đồng ; thực hiện đến ngày 31/03/2024 là: 52,452 triệu đồng đạt 24,85% dự toán giao.

*(Chi tiết có phụ lục 03 đính kèm)*

## **3. Đánh giá chung, khó khăn vướng mắc**

**Về thu ngân sách:** UBND xã đã chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện nghiêm túc dự toán thu ngân sách, hợp quán triệt tới các thôn tận thu công điền, rà soát một loạt các hộ cấy công điền nhưng vẫn nợ để thu hồi chuyển sang cho các hộ khác có nhu cầu tránh tình trạng nợ công điền kéo dài. Tuy nhiên vẫn có nhiều diện tích công điền xấu không có người thầu, UBND xã đang tìm biện pháp để tận thu tiền công điền đạt hiệu quả cao hơn.

**Về chi ngân sách:** Thực hiện Nghị quyết của HĐND xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2024, UBND xã đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp quản lý chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo trong phạm vi kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền giao và theo đúng chế độ quy định, giảm bớt các khoản chi dàn trải, bớt gánh nặng cho ngân sách.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Hoàng Lộc**



**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024**

(Kèm theo *thuyết minh báo cáo số 18/TB-UBND ngày 08 tháng 04 năm 2024 của UBND xã Đoàn Đào*)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		Thực hiện quý I năm 2024				SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	DPT	TX	TỔNG SỐ	DPT	TX	TỔNG SỐ	DPT	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-1	8=5-2	9=6-3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>10.312.000,000</b>	<b>2.535.000,000</b>	<b>7.677.000,000</b>	<b>918.004,740</b>	<b>0</b>	<b>918.004,740</b>	<b>8,99</b>	<b>0,00</b>	<b>11,96</b>
	Trong đó:									
1	Chi dân quân tự vệ	167.136.000		167.136.000	28.686.000		28.686.000	17,16		17,16
2	Chi an ninh trật tự	282.896.000		282.896.000	11.070.000		11.070.000	3,91		3,91
3	Chi giáo dục		0							
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ		0							
5	Chi y tế	27.000.000		27.000.000	2.250.000		2.250.000	8,33		8,33
6	Chi văn hóa, thông tin	930.000.000		930.000.000	0			0,00	#DIV/0!	0,00
7	Chi phát thanh, truyền thanh	56.200.000		56.200.000	2.790.000		2.790.000	4,96		4,96
8	Chi thể dục thể thao	5.000.000		5.000.000	0			0,00		0,00
9	Chi bảo vệ môi trường	170.000.000		170.000.000	0			0,00		0,00
10	Chi các hoạt động kinh tế	2.575.000.000	2.535.000.000	40.000.000	0			0,00	0,00	0,00
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.337.664.000		5.337.664.000	820.756.740		820.756.740	15,38		15,38
12	Chi cho công tác xã hội	211.104.000		211.104.000	52.452.000		52.452.000	24,85		24,85
13	Chi khác	0			0			#DIV/0!		24,85
14	Dự phòng ngân sách	450.000.000		450.000.000	0			0,00		#DIV/0!
15	Chi chuyển nguồn NS sang năm sau	0			0					0,00
16	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	0			0					

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024**

(Kèm theo thông báo số: 18/TB UBND ngày 08 tháng 04 năm 2024 của UBND xã Đoàn Đào)  
ĐVT: đồng



STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý I năm 2024	So sánh
A	B	1	2	3=2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>10.212.000.000</b>	<b>15.458.993.079</b>	<b>151,38</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	481.000.000	11.577.312.648	2406,93
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.039.000.000	201.321.423	6,62
3	Thu bổ sung	6.692.000.000	965.334.000	14,43
	- Thu bổ sung cân đối	6.692.000.000	965.334.000	14,43
	- Thu bổ sung có mục tiêu			
4	Thu chuyển nguồn		2.715.025.008	
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>10.212.000.000</b>	<b>918.004.740</b>	<b>8,99</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.535.000.000	-	0,00
2	Chi thường xuyên	7.227.000.000	918.004.740	12,70
3	Dự phòng	450.000.000		0,00
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương			



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024**

(Kèm theo thông báo số: /TB-GND ngày tháng 4 năm 2024)

Đơn vị: đồng



STT	NỘI DUNG	DU LƯỢNG		Thực hiện quý I năm 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>10.212.000.000</b>	<b>10.212.000.000</b>	<b>15.458.993.079</b>	<b>15.458.993.079</b>	<b>151,38</b>	<b>151,38</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>481.000.000</b>	<b>481.000.000</b>	<b>11.577.312.648</b>	<b>11.577.312.648</b>	<b>2406,93</b>	<b>2406,93</b>
	Phí, lệ phí	56.000.000	56.000.000	9.068.000	9.068.000	16,19	16,19
	Phí môn bài			16.700.000	16.700.000		
	Thuế tài nguyên						
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	250.000.000	250.000.000	463.264	463.264	0,19	0,19
	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	90.000.000	90.000.000	11.550.672.000	11.550.672.000	12834,08	12834,08
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			407.736	407.736		
	Các khoản huy động không hoàn lại và đóng góp không hoàn lại						
	Thu khác	85.000.000	85.000.000	1.648	1.648	0,00	0,00
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %</b>	<b>3.039.000.000</b>	<b>3.039.000.000</b>	<b>201.321.423</b>	<b>201.321.423</b>	<b>6,62</b>	<b>6,62</b>
<b>1</b>	<b>Các khoản thu phân chia</b>	<b>3.039.000.000</b>	<b>3.039.000.000</b>	<b>201.321.423</b>	<b>201.321.423</b>	<b>6,62</b>	<b>6,62</b>
	- Thuế thu nhập cá nhân	145.000.000	145.000.000	111.954.675	111.954.675	77,21	77,21
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	175.000.000	175.000.000	20.743.511	20.743.511	11,85	11,85
	- Lệ phí trước ô tô, xe máy						
	- Thuế GTGT+TNDN	120.000.000	120.000.000	63.911.397	63.911.397	53,26	53,26
	- Thuế tiêu thụ DB			4.711.840	4.711.840		
	-Tiền sử dụng đất dôi dư						
	- Tiền sử dụng đất	2.535.000.000	2.535.000.000				
	- Tiền thuế đất	64.000.000	64.000.000			0,00	0,00
	Các khoản thu khác do cấp tỉnh quy định						
<b>2</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>III</b>	<b>Thu chuyên nguồn</b>			<b>2.715.025.008</b>	<b>2.715.025.008</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>V</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>6.692.000.000</b>	<b>6.692.000.000</b>	<b>965.334.000</b>	<b>965.334.000</b>	<b>14,43</b>	<b>14,43</b>
	- Thu bổ sung cân đối	6.692.000.000	6.692.000.000	965.334.000	965.334.000	14,43	14,43
	- Thu bổ sung có mục tiêu						